



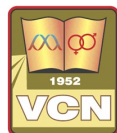
Pôle de recherche sur les risques liés à
l'intensification des systèmes d'élevage

www.prise-pcp.org / prise.pcp@gmail.com

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC PRISE

2009-2013

C. Le Bas, Điều phối
B. Faye, Phụ trách khoa học
Đóng góp:
P. Salgado, S. Desvaux



PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

<p><u>Các tài liệu tham khảo :</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Bảng tóm tắt các kết luận về những nhiệm vụ tại Việt Nam của ông E.Hainzelin, Giám đốc bộ phận Nghiên cứu và Chiến lược DRS của CIRAD
<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo các cuộc họp chuẩn bị cho hội nghị khoa học cuối năm Prise 2007- Báo cáo Hội nghị khoa học Prise 2007- Các bài trình bày và báo cáo họp ngày 11 tháng 4 năm 2008
<p><u>Kế hoạch 2008 :</u></p> <p>Tài liệu tổng hợp các đề nghị về những hoạt động được ưu tiên (tháng 3) Dịch và gửi bản dịch cho các đối tác (cuối tháng 3) Họp thảo luận/ thống nhất với các đối tác (11 tháng 4) Tài liệu tổng hợp cuối cùng về dự thảo chương trình khoa học Prise (2009-2013) bằng tiếng pháp và tiếng việt (29 tháng 5) Thảo luận chuyên đề tổng hợp CIRAD/MARD (29 tháng 5)</p>

A. Lịch sử hình thành của PCP PRISE

I. Hoàn cảnh và nguồn gốc hình thành PRISE :

- Nhu cầu về các sản phẩm từ động vật (sữa, thịt, thủy sản) trong nước tăng mạnh và vấn đề chất lượng các sản phẩm là mối lưu tâm hàng đầu ;
- Khó khăn về đất đai đòi hỏi phải sản xuất trên phần diện tích ngày càng bị thu hẹp, dẫn đến việc phải thâm canh chăn nuôi;
- Nguồn gen động vật nuôi và động vật hoang dã phong phú đang bị đe dọa do việc thâm canh chăn nuôi và do tác động tiêu cực của con người tới địa hình, đất đai ;
- Việc tổ chức các hoạt động nông thôn tiến triển mạnh mẽ nhờ việc triển khai các chính sách mở cửa của chính phủ Việt nam kể từ đầu thập kỷ 90 (“Đổi mới”) ;
- Các đối tác Việt Nam rất có thiện chí hợp tác nghiên cứu song lại phân tán trong nhiều viện nghiên cứu khác nhau (có rất ít các dự án liên ngành - đa lĩnh vực, sự trao đổi hay hợp tác giữa các viện còn hạn chế) ;
- CIRAD – EMVT (2000 – 2003) đã có sự đầu tư mạnh mẽ cho việc củng cố, xây dựng các kĩ năng tại Việt nam, nơi được coi là một “phòng thí nghiệm” cho những thay đổi trong thâm canh chăn nuôi; tiếp tục hoàn thiện các phương pháp tiếp cận vào những vùng quảng canh và cận cổ của Tổ hợp nghiên cứu các vùng khô cằn (PPZS).

PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

A. Lịch sử hình thành của PCP PRISE

II. Hoàn cảnh và nguồn gốc hình thành PRISE :

- Nhu cầu về các sản phẩm từ động vật (sữa, thịt, thủy sản) trong nước tăng mạnh và vấn đề chất lượng các sản phẩm là mối lưu tâm hàng đầu ;
- Khó khăn về đất đai đòi hỏi phải sản xuất trên phần diện tích ngày càng bị thu hẹp, dẫn đến việc phải thâm canh chăn nuôi;
- Nguồn gen động vật nuôi và động vật hoang dã phong phú đang bị đe dọa do việc thâm canh chăn nuôi và do tác động tiêu cực của con người tới địa hình, đất đai ;
- Việc tổ chức các hoạt động nông thôn tiến triển mạnh mẽ nhờ việc triển khai các chính sách mở cửa của chính phủ Việt nam kể từ đầu thập kỷ 90 (“Đổi mới”) ;
- Các đối tác Việt Nam rất có thiện chí hợp tác nghiên cứu song lại phân tán trong nhiều viện nghiên cứu khác nhau (có rất ít các dự án liên ngành - đa lĩnh vực, sự trao đổi hay hợp tác giữa các viện còn hạn chế) ;
- CIRAD – EMVT (2000 – 2003) đã có sự đầu tư mạnh mẽ cho việc củng cố, xây dựng các kĩ năng tại Việt nam, nơi được coi là một “phòng thí nghiệm” cho những thay đổi trong thâm canh chăn nuôi; tiếp tục hoàn thiện các phương pháp tiếp cận vào những vùng quảng canh và cận cỗi của Tổ hợp nghiên cứu các vùng khô cằn (PPZS).

PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

B. Quá trình phát triển của Prise và những thay đổi tất yếu

I. Những sự kiện chính đáng ghi nhận từ khi thành lập PRISE :

1. Đối tác :

Cải cách thể chế và tài chính của các viện nghiên cứu ở Việt Nam ("ANR" Cơ quan nghiên cứu quốc gia Việt Nam, kêu gọi các dự án, tách VASI thành IPSARD và các Viện khác, HAU1 trở thành HAU, sáp nhập giữa NIAH – Viện chăn nuôi và NIVR - Viện thú y vào năm 2008), tái cơ cấu của CIRAD.

Những đối tác hiện tại của PRISE là: NIAH, NIVR, HAU, IPSARD, và CIRAD.

Nhiệm kỳ của chủ tịch và điều phối viên được tăng lên thành 2 năm (Họp ban chỉ đạo 2007).

Các chủ đề nghiên cứu:

- Xuất hiện những vấn đề mới (những bất ổn do bệnh SARS và dịch cúm gia cầm gây ra; tuyên truyền về ngộ độc thức ăn; các vấn đề liên quan đến những biến đổi về mặt không gian, mục đích sử dụng đất đai, địa hình,... do con người gây ra; các vấn đề liên quan đến hoạt động thâm canh, đến những thay đổi trong xã hội Việt nam: giá các mặt hàng và chi phí sản xuất tăng,...).
- Việt Nam gia nhập vào Tổ chức thương mại thế giới WTO (2006)

Cuối năm 2007, các hoạt động nghiên cứu của PRISE tập trung vào 6 trọng tâm (Pochette Prise): (1) Đa dạng sinh học động vật nuôi và động vật hoang dã, (2) Quản lý diện tích nông nghiệp và chất thải chăn nuôi, (3) trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò sữa (4) Các dịch bệnh mới xuất hiện và lây nhiễm xuyên quốc gia, (5) An toàn vệ sinh thực phẩm, (6) Tổ chức các ngành hàng.

Các hoạt động nghiên cứu mang tính chất liên ngành hơn (Ví dụ trọng tâm 6, là trọng tâm nghiên cứu rộng hơn, cần có sự hợp tác của các đối tác mới, các tổ hợp nghiên cứu khác như PCP (Malica) và các trọng tâm nghiên cứu khác của Prise).

PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

2. Các dự án :

Kết thúc : E3P (2006), DURAS – Hợp phần kết hợp chăn nuôi-trồng trọt và hợp phần chất lượng thịt lợn (2007), ETSP/VBDP (2007), LABELSUD (2007), TRANSADD (2008), BIODIVA (mars 2008), FFEM (2009).

Bắt đầu: GRIPAVI, GENAVIFLU

Dự án triển vọng: IPSLog (Eco-benefits from transforming pig slurry in Vietnam – Integrated Pig Slurry Logistics), FSP - chất lượng vệ sinh, các dự án quốc gia, dự án chung giữa CEMAGREF/IRD/ IWMI/ INRA/ CIRAD (phần tiếp theo của dự án TRANSADD).

3. Nhân sự của CIRAD trong tổ hợp PRISE :

Số người ra đi/ hết nhiệm kỳ: (Y. Villaggi, 2003 ; M. Bolard, 2005 ; V. Porphyre, 2006 ; P. Salgado, M. Pédrone, J.-C. Maillard -giám đốc phụ trách khu vực mới của ASEC-2008) ;

Số người mới được bổ nhiệm: S. Desvaux, 2006

II. Những thay đổi tất yếu của PRISE :

1. Tiếp tục mở rộng phương pháp nghiên cứu “chuyên ngành” và “ngành hàng” để tiến tới giai đoạn hội nhập cao hơn trong lĩnh vực khoa học động vật ;
2. Thích ứng với các thay đổi (được trình bày trong B.I.2) và tìm hiểu các đối tác thông qua các nghiên cứu có liên quan chặt chẽ với các trọng tâm chiến lược mới của CIRAD ;
3. Các nội dung nghiên cứu phải xoay quanh các vấn đề liên quan đến hoạt động thâm canh các hệ thống chăn nuôi dựa trên yếu tố xã hội – môi trường và sự thay đổi vai trò của ngành chăn nuôi nói riêng đối với sản xuất nông nghiệp trong vài thập niên tới.

PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

C. Đề xuất các hoạt động nghiên cứu

Thúc đẩy hoạt động thâm canh sinh thái (đôi khi còn được gọi là thâm canh "linh hoạt" hay thâm canh "hợp lý") thực chất là: **đánh giá ảnh hưởng/nguy cơ của thâm canh chăn nuôi (i) đến môi trường, việc sử dụng không gian, động thái của các hệ thống sản xuất và đa dạng sinh học, (ii) đối với sức khỏe của con người và vật nuôi và (iii) những biến đổi kinh tế - xã hội trong khu vực nông thôn . Việc đánh giá này được tiếp tục thông qua những đề xuất cụ thể về những bước đổi mới quy trình kỹ thuật sản xuất.** Những tiến triển của các dự án và các hoạt động nghiên cứu hiện tại được trình bày dưới đây :

I. Triển vọng của các dự án hiện tại

1. Dự án BIODIVA đã cho phép thực hiện một cơ sở dữ liệu các nguồn gen động vật và các hệ thống sản xuất cũng như việc xây dựng một nền tảng kỹ thuật đem lại lợi ích lớn sau này. Một trong những bước đi quan trọng tiếp theo của dự án là nghiên cứu về **tính bền vững của các hệ thống chăn nuôi nông hộ** tại những vùng có nguồn gen phong phú song lại nằm ngoài sự phát triển chung của xã hội Việt Nam (thiên về trọng tâm nghiên cứu " động thái sử dụng không gian nông nghiệp và quản lí chất thải chăn nuôi " và "phân tích nguy cơ kinh tế, xã hội đối với tính bền vững của các hệ thống chăn nuôi", hình 1). Do đó, trong bối cảnh này, cần (i) xác định những điều kiện về sản xuất và thị trường nhằm **phát triển một nền sản xuất có chất lượng** được thừa nhận (iii) **xây dựng mạng lưới các nhà sản xuất** có khả năng thương lượng về mức độ tham gia của họ vào nền kinh tế quốc gia và quốc tế trên cơ sở những hoạch định về việc sản xuất chăn nuôi của họ, (iii) đánh giá tác động của việc tham gia này vào thị trường đối với **môi trường và xã hội**.¹

¹ Những nghiên cứu này đã bắt đầu với các tiểu dự án được tiến hành trong khuôn khổ dự án Biodiva

PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

2. Dự án ASIAPROECO đã tập hợp được một đội ngũ các chuyên gia Châu Âu và Việt Nam nghiên cứu về mức độ ảnh hưởng của ngành chăn nuôi lợn đến môi trường ở Việt Nam. Những thách thức đối với môi trường nông thôn trở nên ngày càng lớn trong bối cảnh mật độ dân số cao ở Việt Nam. Vậy nên, cần thực hiện **thâm canh chăn nuôi kết hợp với việc quản lý/tái sử dụng chất thải vật nuôi** bằng cách tập trung vào: i) lĩnh hội các thông tin nông nghiệp mang tính chất tham chiếu, ii) **đánh giá không gian các dạng ô nhiễm do chất thải chăn nuôi gây ra dựa trên việc chuyển đổi và tham số hoá các mô hình mô phỏng**, (iii) **xây dựng và thử nghiệm các kịch bản quản lý chất thải vật nuôi**, phối hợp với các tác nhân thuộc những ngành hàng liên quan. Để thực hiện các nội dung trên, cần phải có sự hỗ trợ từ nhiều lĩnh vực khác, đặc biệt lĩnh vực kinh tế ngành hàng, nguy cơ vệ sinh, năng lượng và quy hoạch đất đai.

3. Nhiều dự án khác nhau (DURAS, HELVETAS, ADD-TRANS) liên quan đến nguồn thức ăn trong các vùng chăn nuôi bò sữa ở miền Bắc Việt Nam đã cho phép tạo ra một "cuộc cách mạng thực sự về thức ăn gia súc" và điều này làm xáo trộn hoàn toàn việc sử dụng các diện tích đất nông nghiệp và cách tổ chức hoạt động của các hộ chăn nuôi. Do đó, trong tương lai, cần nghiên cứu mối quan hệ giữa việc **biến đổi các hình thức chăn nuôi, những đổi mới và những thay đổi của các không gian nông nghiệp** (thiên về trọng tâm nghiên cứu "động thái sử dụng không gian nông nghiệp và quản lý chất thải chăn nuôi", hình 1), trên cơ sở các hướng mở của luận án đang được thực hiện tại cao nguyên sữa Mộc Châu đồng thời dựa trên các nghiên cứu của IPSARD về những thay đổi trong cách tổ chức sản xuất (thiên về trọng tâm nghiên cứu "phân tích nguy cơ kinh tế, xã hội đối với tính bền vững của các hệ thống chăn nuôi", hình 1). Đặc biệt, cần nghiên cứu các đề tài (i) **phân tích phản ứng/thái độ của các tác nhân** (người chăn nuôi, người quản lý tại địa phương, chế biến) **trước những đổi mới về kỹ thuật** (phân tích quá trình thích ứng với những đổi mới về công nghệ), (ii) **mô hình hoá các biến đổi về mặt không gian** nông nghiệp trước những thay đổi thói quen sử dụng đất do thâm canh chăn nuôi, (iii) **đánh giá tính bền vững về kinh tế của các hộ chăn nuôi bò sữa**.

PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

4. Thời gian vừa qua, Việt nam đã gặp khủng hoảng y tế do sự xuất hiện của dịch bệnh (cúm gia cầm, các triệu chứng về hô hấp và sinh sản ở lợn). Điều này là một hồi chuông cảnh báo đối với các nhà chức trách quốc tế, đòi hỏi phải có kiến thức sâu hơn về dịch tễ, liên quan đến các dịch bệnh mới xuất hiện và lây truyền qua biên giới. **Thâm canh chăn nuôi và các hoạt động thương mại động vật nuôi đã tạo ra những tác động** tới nguy cơ xuất hiện, tái xuất hiện và lây lan các loại dịch bệnh. Do đó, rõ ràng, chúng ta phải thực hiện các nghiên cứu về : (i) **dịch tễ học và sinh thái học của dịch cúm gia cầm** (ii) **đánh giá nguy cơ truyền nhiễm dịch bệnh giữa các loài động vật khác nhau** (đặc biệt đối với virus cúm gia cầm), (iii) **đánh giá các biện pháp phòng và quản lí dịch bệnh**, (iv) **phương thức tái cơ cấu ngành hàng gia cầm** sau khủng hoảng y tế trên phạm vi trên toàn quốc.
5. Vệ sinh an toàn thực phẩm đang trở thành một vấn đề được người tiêu dùng và các nhà chức trách Việt nam đặc biệt quan tâm. Chính phủ Việt Nam coi đây là một ưu tiên trong chiến lược nghiên cứu của mình. Sản phẩm động vật là nguồn gốc của hầu hết các ca ngộ độc thực phẩm. Trong khi đó, người dân Việt nam vẫn tiếp tục tiêu thụ mạnh các sản phẩm này. Hoạt động nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc củng cố khả năng và kỹ năng phân tích (phòng thí nghiệm); các nghiên cứu dịch tễ và các nghiên cứu về tác nhân nguy cơ nhiễm Salmonella trong ngành hàng lợn; dư lượng kháng sinh trong các sản phẩm làm từ sữa và sự xuất hiện của các chủng virus mới có khả năng kháng lại chất kháng sinh). Hiện tại, việc thực hiện một số các nghiên cứu sau có thể sẽ là rất hợp lí (i) **tác nhân gây nguy cơ nhiễm vi sinh vật và/ hoặc nhiễm chất hóa học của các sản phẩm từ động vật trong toàn bộ các khâu của các ngành hàng** bằng cách tập trung vào (ii) **đánh giá định tính và định lượng các nguy cơ** (ưu tiên cấp nội dung : nguy hiểm/sản phẩm), (iii) hỗ trợ việc **xây dựng các ngành hàng chất lượng** và hỗ trợ **hệ thống quản lí và giám sát** vấn đề ngộ độc thực phẩm.

PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

II. Đề xuất các hoạt động nghiên cứu

Như vậy, trong phần miêu tả ngắn gọn các hoạt động ưu tiên của PRISE trên đây, chúng ta thấy có 3 đề tài chính: Môi trường, sức khỏe và kinh tế- xã hội. Hơn nữa, các thay đổi trong mỗi đề tài được thể hiện ít nhất ở một trong 3 trọng tâm nghiên cứu ưu tiên sau (Hình 1): (1) Động thái sử dụng không gian nông nghiệp và quản lí chất thải chăn nuôi, (2) Phân tích nguy cơ đối với sức khỏe con người và vật nuôi và (3) Phân tích nguy cơ kinh tế xã hội đối với tính bền vững của các hệ thống chăn nuôi.

Mỗi trọng tâm thuộc 3 trọng tâm nghiên cứu được thể hiện qua các đề tài cũng được trình bày ở hình 1 nhưng có thể thay đổi theo các dự án và nguồn nhân lực từ năm 2009 đến năm 2013. Sự thể hiện này cũng cho phép Prise tập trung vào 3 trọng tâm nghiên cứu chính nhưng vẫn giữ được tính linh hoạt trong cách quản lí các đề tài nghiên cứu tương ứng.

Các chủ đề nghiên cứu được đề xuất là (hình 1, bảng 1) :

Trọng tâm nghiên cứu 1:

- 1-a. Động thái sử dụng không gian nông nghiệp
- 1-b. Quản lí/tái sử dụng chất thải chăn nuôi
- 1-c. Đa dạng sinh học động vật nuôi và động vật hoang dã. Pha 1 của hoạt động này kết thúc vào năm 2008 (kết thúc dự án Biodiva năm 2008, đánh giá số liệu vào năm 2009). Tiếp tục với các đề tài khác : 1-a, 1-b.
- 1-d. Sản xuất cỏ phục vụ chăn nuôi bò sữa. Pha 1 của hoạt động này kết thúc vào năm 2008. Tiếp tục với các đề tài khác : 1-a, 3-a, 3-b.

Trọng tâm nghiên cứu 2:

- 2-a. Các bệnh mới xuất hiện và lây nhiễm qua biên giới
- 2-b. An toàn vệ sinh thực phẩm có nguồn gốc động vật

Trọng tâm nghiên cứu 3:

- 3-a. Phân tích nguy cơ và sự bùng phát bệnh trong các ngành hàng chăn nuôi
- 3-b. Phân tích tính bền vững của các hệ thống chăn nuôi

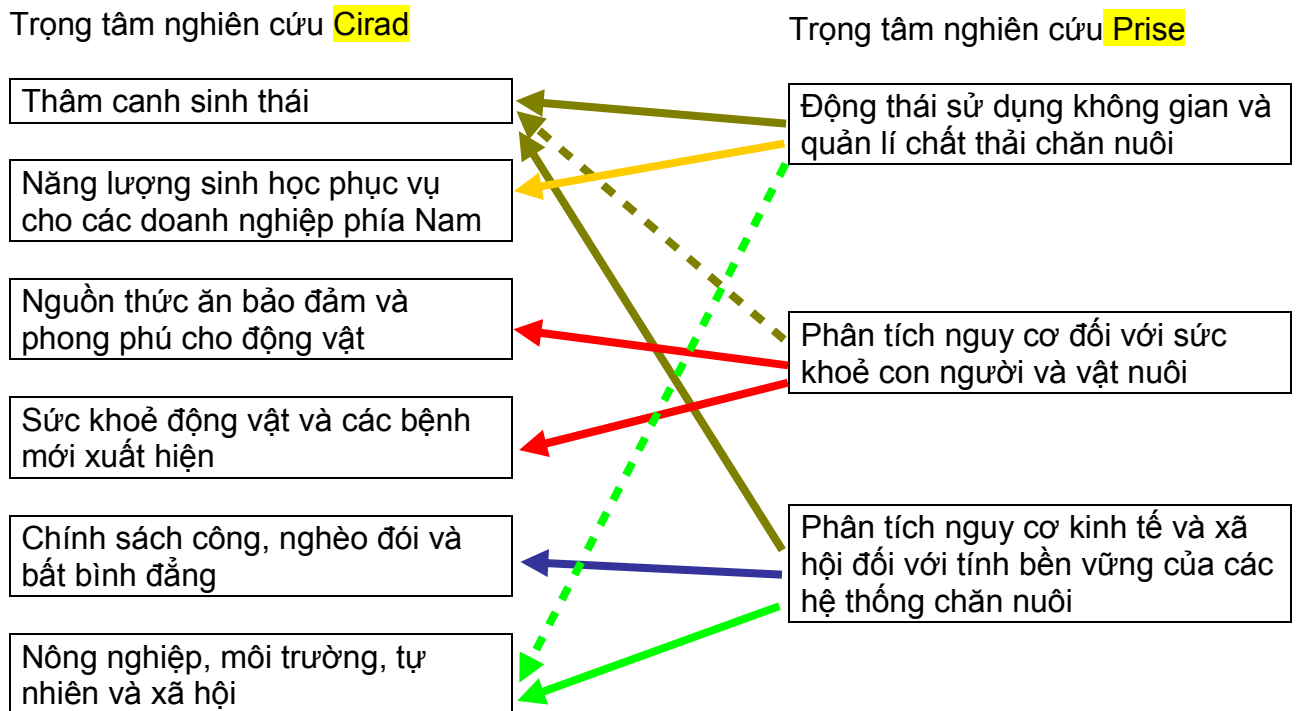
PRISE

DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC 2009-2013

Hình 1 : Sơ đồ thể hiện các trọng tâm và các đề tài nghiên cứu ưu tiên của Prise



Hình 2 : Các trọng tâm nghiên cứu của Prise ứng với các trọng tâm nghiên cứu ưu tiên của Cirad



PRISE
DỰ THẢO CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC
2009-2013

Bảng 1 : Các trọng tâm nghiên cứu của Prise tương ứng với các trọng tâm nghiên cứu ưu tiên của các đối tác

Các đề tài nghiên cứu Prise 2009-2013

	Trọng tâm nghiên cứu của Prise	Các đề tài nghiên cứu của Prise	Các đề tài đối tác quan tâm	Nguồn lực Cirad (Fr=Pháp)	Dự án (Đang thực hiện, đã đề trình)
Môi trường	Động thái sử dụng không gian nông nghiệp và quản lí chất thải chăn nuôi	Động thái sử dụng không gian nông nghiệp	Môi trường, cải tạo đất nông nghiệp và kết hợp chăn nuôi- trồng trọt	P. Salgado (Fr) ; B. Faye (Fr)	ADD-TRANS
		Quản lí/tái sử dụng chất thải chăn nuôi		J.-M. Médoc (2008)	AIV IPSLOG
Sức khoẻ	Phân tích nguy cơ đối với sức khoẻ con người và vật nuôi	Các bệnh mới xuất hiện và lây nhiễm qua biên giới	Các bệnh mới xuất hiện khả năng kháng bệnh	S. Desvaux ; C. Trevennec (luận án tiến sĩ) ; C. Le Bas J.-C. Maillard ?	ADAT, GRIPAVI GENAVIFLU
		An toàn vệ sinh thực phẩm	Chất lượng vệ sinh thực phẩm	C. Le Bas (2009?)	FSP, Dự án trong nước
Kinh tế và xã hội	Phân tích nguy cơ về mặt kinh tế xã hội đối với tính bền vững của các hệ thống chăn nuôi	Phân tích nguy cơ và sự bấp bênh trong các ngành hàng chăn nuôi	Ảnh hưởng của cúm gia cầm đến việc tái cơ cấu ngành hàng gia cầm Kinh tế các ngành hàng vật nuôi và dịch bệnh (cúm gia cầm, PRRS,...)	S. Desvaux ; M. Peyre (Fr) ; M. Figuié (Fr) Chuyên gia kinh tế về sức khoẻ, UR AGIRs? (2008?)	GRIPAVI
			Sự biến động giá nguyên liệu và chi phí sản xuất. Nguy cơ về mặt xã hội liên quan đến các chi phí do nhận thức, tổ chức, giao dịch. Mối quan hệ với việc phân tích nguy cơ về sức khoẻ	G. Duteurtre (Fr) Chuyên gia kinh tế ngành hàng chăn nuôi, UR18?	
		Phân tích tính bền vững của các hệ thống chăn nuôi	Quy mô hợp lí nhất của các hộ sản xuất nhỏ. Mối quan hệ tốt nhất giữa đa dạng hoá/chuyên môn hoá. Kinh tế ngành hàng chăn nuôi, các chính sách nông nghiệp và mô hình hoá.	P. Salgado (Fr) ; V. Alary (Fr) luận án tiến sĩ về mô hình kinh tế sinh thái (2009-2011)?	ADD-TRANS